

Số: 100 /TTr-UBND

Bù Đăng, ngày 14 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua kế hoạch điều chỉnh
vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện Bù Đăng kính trình HĐND huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

2. Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Bù Đăng

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.274.079 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Một ngàn hai trăm bảy mươi tư tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 85.643 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.061.340 triệu đồng.
- Dự phòng: 127.096 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

- + Vốn phân cấp: 215.207 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất: 808.872 triệu đồng.
- + Vốn các Chương trình MTQG: 250.000 triệu đồng.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 127.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 511.893 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 532.186 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác: 103.000 triệu đồng.

III. Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.386.509 triệu đồng. Tăng 112.430 triệu đồng**
(*Bằng chữ: Một ngàn ba trăm tám mươi sáu tỷ, năm trăm lẻ chín triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 84.289 triệu đồng. Giảm 1.354 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.140.098 triệu đồng. Tăng 78.758 triệu đồng.
- Dự phòng: 162.122 triệu đồng. Tăng 35.026 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

- + Vốn phân cấp: 243.536 triệu đồng. Tăng 28.329 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất: 883.530 triệu đồng. Tăng 74.658 triệu đồng.
- + Vốn các Chương trình MTQG: 259.443 triệu đồng. Tăng 9.443 triệu đồng.

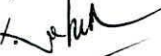
2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 127.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 521.193 triệu đồng. Tăng 9.300 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 718.316 triệu đồng. Tăng 186.130 triệu đồng.

- Lĩnh vực khác: 20.000 triệu đồng. Giảm 83.000 triệu đồng.

*(Kèm theo bảng tổng hợp, bảng chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025)*

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Trân trọng: 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các ban HĐND;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Chanh Hòa



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(kèm theo Tờ trình số 100/TTTr-UBND ngày 14/8/2020 của UBND huyện Bù Đăng)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo NQ số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020			Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Chênh lệch	Ghi chú
		Tổng số vốn	Trong đó		Tổng số vốn	Trong đó			
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=6-3	10
	TỔNG SỐ	1.274.079	1.146.983	127.096	1.386.509	1.224.387	162.122	112.430	
1	Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất	808.872	728.297	80.575	883.530	778.437	105.093	74.658	
2	Vốn đầu tư từ nguồn vốn phân cấp	215.207	193.686	21.521	243.536	215.010	28.526	28.329	
3	Vốn các Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình 135	250.000	225.000	25.000	259.443	230.940	28.503	9.443	

Handwritten signature

DANH MỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Tờ trình số ¹⁰⁰/TTr-UBND ngày 14 / 6 /2021 của UBND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
	Tổng cộng		1.453.949	67.440	1.386.509	1.224.087	162.122	
@	ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021		253.079	67.440	185.639	185.339	-	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		151.729	67.440	84.289	84.289	-	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		134.917	57.321	77.596	77.596	-	
1	Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.617	7.185	2.432	2.432	-	
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	16.800	7.000	9.800	9.800	-	
3	Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh.	1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	8.500	6.500	6.500	-	
4	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	23.500	9.636	13.864	13.864	-	
5	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	13.000	-	
6	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	8.000	12.000	12.000	-	
7	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	10.000	20.000	20.000	-	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		16.812	10.119	6.693	6.693	-	
1	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.955	119	3.836	3.836	-	
2	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.857	10.000	2.857	2.857	-	



[Handwritten signature]

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
B	DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI 2021		101.350	-	101.350	101.050	-	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		3.000	-	3.000	2.700	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)		3.000		3.000	2.700	-	
II	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		17.000	-	17.000	17.000	-	
1	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới		17.000		17.000	17.000		
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		81.350	-	81.350	81.350	-	
1	Xây dựng 10 phòng lều Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đông Nai		6.000	-	6.000	6.000	-	
2	Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		2.400	-	2.400	2.400	-	
3	Xây dựng 6 phòng lều Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		3.600	-	3.600	3.600	-	
4	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Bom Bo, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng		2.800	-	2.800	2.800	-	
5	Xây dựng 8 phòng học lều Trường TH&THCS Trần Văn On, xã Bom Bo		4.800	-	4.800	4.800	-	
6	Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh.		4.800	-	4.800	4.800	-	
7	Xây dựng 10 phòng học lều và hạng mục phụ san lắp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		6.500	-	6.500	6.500	-	
8	Xây dựng 4 phòng lều (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		2.400	-	2.400	2.400	-	
9	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất		30.000	-	30.000	30.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
10	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH & THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai		600	-	600	600	-	
11	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nheu		6.000	-	6.000	6.000	-	
12	Sửa chữa mương thoát nước trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Đăk Nheu		750	-	750	750	-	
13	Mua sắm trang thiết bị Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		700	-	700	700	-	
14	Đối ứng vốn chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới		10.000		10.000	10.000	-	
@	ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO		1.200.870	-	1.200.870	1.038.748	162.122	
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		559.370	-	559.370	507.238	52.132	
1.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO NĂM 2022		422.670	-	422.670	384.208	38.462	
1	Xây dựng 05 phòng hành chính, 02 phòng học, 02 phòng phụ trợ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10		5.050		5.050	5.050		
2	Xây dựng 8 phòng học bộ môn, 05 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		20.000		20.000	20.000		
3	Xây dựng 14 phòng học, 08 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng khác Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong		23.100		23.100	20.790	2.310	
4	Xây dựng 08 phòng học Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		5.200		5.200	5.200		
5	Xây dựng 15 phòng học, 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		26.550		26.550	23.895	2.655	
6	Xây dựng 16 phòng học trường TH Lê Văn Tám, xã Nghĩa Trung		10.400		10.400	9.360	1.040	
7	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn		1.300		1.300	1.300	-	
8	Xây dựng 08 phòng học Trường TH Đăk Nheu, xã Đăk Nheu		5.200		5.200	5.200	-	
9	Xây dựng 02 phòng học Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất		1.300		1.300	1.300		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
10	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 02 hỗ trợ học tập và 06 phòng hành chính Trường MN Hoa Sen, xã Đoàn Kết		7.800		7.800	7.020	780	
11	Xây dựng 09 phòng học, 09 phòng bộ môn, 02 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường THCS Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		20.200		20.200	18.180	2.020	
12	Xây dựng 35 phòng học, 08 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu		38.800		38.800	34.920	3.880	
13	Xây dựng 09 phòng học, 11 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		24.250		24.250	21.825	2.425	
14	Xây dựng 15 phòng học, 06 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính và các phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu		21.450		21.450	19.305	2.145	
15	Xây dựng 05 phòng học, 06 phòng bộ môn, 03 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		14.250		14.250	12.825	1.425	
16	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn		7.800		7.800	7.020	780	
17	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất		7.350		7.350	6.615	735	
18	Xây dựng 24 phòng học, 19 phòng bộ môn, 14 phòng quản trị, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai		51.250		51.250	46.125	5.125	
19	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 05 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Phước Sơn, xã Phước Sơn		6.450		6.450	5.805	645	
20	Xây dựng 09 phòng học bộ môn, 03 phòng hành chính, 02 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các hạng mục khác Trường THCS Võ Trường Toàn, xã Phước Sơn		14.050		14.050	12.645	1.405	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
21	Xây dựng 02 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MG Hoa Hồng, xã Đắk Nhau		5.750		5.750	5.175	575	
22	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết, 12 phòng học bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Chu Văn An, xã Đắk Nhau		21.350		21.350	19.215	2.135	
23	Xây dựng 1 phòng học bộ môn và một số hạng mục khác Trường MN Minh Hưng, xã Minh Hưng.		1.350		1.350	1.215	135	
24	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, một số hạng mục Trường MG Đức Liễu, xã Đức Liễu		3.000		3.000	2.700	300	
25	Xây dựng 01 phòng học và một số hạng mục khác Trường MN Họa Mĩ, thị trấn Đức Phong		1.350		1.350	1.215	135	
26	Xây dựng 02 phòng học, 05 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, 1 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác trường THCS Đức Liễu, xã Đức Liễu		7.650		7.650	6.885	765	
27	Xây dựng 01 phòng học bộ môn, 01 phòng học hỗ trợ học tập, 01 phòng hành chính và các hạng mục khác Trường MN Hướng Dương, xã Phú Sơn		2.350		2.350	2.115	235	
28	Xây dựng 01 phòng học, 01 phòng hành chính, và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Thơ, xã Đức Liễu		2.050		2.050	1.845	205	
29	Xây dựng 02 phòng học, 01 phòng bộ môn và 02 phòng hành chính Trường MG Vành Khuyên, xã Bom Bo		3.000		3.000	2.700	300	
30	Xây dựng 01 phòng học và 02 phòng hành chính Trường MG Hoa Mai, xã Bình Minh		1.700		1.700	1.530	170	
31	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn và 03 phòng hành chính Trường MG Sao Mai, xã Nghĩa Trung		4.350		4.350	3.915	435	
32	Xây dựng 07 phòng bộ môn, 01 phòng hỗ trợ học tập và các hạng mục khác Trường TH Xuân Hồng, xã Bình Minh		8.000		8.000	7.200	800	
33	Xây dựng 06 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung		10.000		10.000	9.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
34	Xây dựng 15 phòng bộ môn, 03 phòng hỗ trợ, 03 phòng phụ trợ, 09 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		39.020		39.020	35.118	3.902	
35	Xây dựng 08 phòng học, 06 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức Phong		17.550		17.550	15.795	1.755	
36	Xây dựng 06 phòng học, 05 phòng bộ môn, 04 phòng hành chính, các phòng khác Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		12.250		12.250	11.025	1.225	
37	Xây dựng 03 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Quang Trung, xã Phú Sơn		7.000		7.000	6.300	700	
38	Xây dựng 05 phòng học bộ môn và các hạng mục khác Trường THCS Phan Bội Châu, thị trấn Đức Phong		6.000		6.000	5.400	600	
39	Xây dựng 07 phòng bộ môn, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Trường Tộ, xã Đức Liễu		8.700		8.700	7.830	870	
40	Xây dựng 05 phòng học bộ môn, 01 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Bình Minh, xã Bình Minh		6.350		6.350	5.715	635	
41	Xây dựng 02 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 02 phòng hỗ trợ học tập, 04 phòng phụ trợ Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung		11.200		11.200	10.080	1.120	
42	Xây dựng 01 phòng học bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và các hạng mục khác Trường MG Tuổi Hồng, xã Nghĩa Bình		7.450		7.450	6.705	745	
43	Xây dựng 12 phòng bộ môn, 01 phòng hành chính và các hạng mục khác trường THCS Minh Hưng, xã Minh Hưng		14.050		14.050	12.645	1.405	
44	Xây dựng 19 phòng bộ môn, 18 phòng hành chính, các phòng và các hạng mục khác Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo		38.700		38.700	34.830	3.870	
45	Xây dựng 01 phòng bộ môn, 6 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường MN Đăng Hà, xã Đăng Hà		7.450		7.450	6.705	745	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		511.500	-	511.500	416.310	95.190	
1	Sửa chữa, nâng cấp bê tông nhựa các tuyến đường nội ô TTHC xã Thống Nhất		6.000		6.000	6.000	-	
2	Xâm nhập nhựa đường Ngã 3 ông Tám vào Ngã 3 Nông trường Phú Thịnh (02 đoạn)		4.500		4.500	4.500	-	
3	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường TTHC các xã trên địa bàn huyện		20.000		20.000	16.200	3.800	
4	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo		4.000		4.000	3.240	760	
5	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km		5.000		5.000	4.050	950	
6	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10		4.000		4.000	3.240	760	
7	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10		6.000		6.000	4.860	1.140	
8	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt		60.000		60.000	48.600	11.400	
9	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km		15.000		15.000	12.150	2.850	
10	Xây dựng đường từ D1 nối dài thị trấn Đức Phong đi xã Minh Hưng		25.000		25.000	20.250	4.750	
11	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt		10.000		10.000	8.100	1.900	
12	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong		30.000		30.000	24.300	5.700	
13	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết		2.000		2.000	1.620	380	
14	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhau		24.000		24.000	19.440	4.560	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
15	Nâng cấp đường từ QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng		4.000		4.000	3.240	760	
16	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)		50.000		50.000	40.500	9.500	
17	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km		25.000		25.000	20.250	4.750	
18	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2		43.000		43.000	34.830	8.170	
19	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung		20.000		20.000	16.200	3.800	
20	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		5.000		5.000	4.050	950	
21	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng		15.000		15.000	12.150	2.850	
22	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000		10.000	8.100	1.900	
23	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000		5.000	4.050	950	
24	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)		45.000		45.000	36.450	8.550	
25	Thâm nhựa nối tiếp đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau đến ngã tư Đak Xuyên		8.000		8.000	6.480	1.520	
26	Cầu Sơn Lang (qua Sông Lấp), xã Phú Sơn		6.000		6.000	4.860	1.140	
27	Đường liên xã khu 24, xã Bình Minh		6.000		6.000	4.860	1.140	
28	Nạo vét suối cầu 23 đến chợ Bù na, xã Nghĩa Trung		6.000		6.000	4.860	1.140	
29	Thâm nhựa nhựa đường Đồi sao thôn 1 đi thôn 2 nối dài, xã Đường 10		5.000		5.000	4.050	950	
30	Cầu nối xã Đức Liễu và xã Phước Sơn		15.000		15.000	12.150	2.850	
31	Sửa chữa, nâng cấp đường liên thôn 7,8,9,10 dài 11 km, xã Bom Bo		5.000		5.000	4.050	950	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn điều chỉnh giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Thôn 04 đi thôn 8 dài 6 km, xã Minh Hưng		15.000		15.000	12.150	2.850	
33	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai - thị trấn Đức Phong		8.000		8.000	6.480	1.520	
III	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		110.000	-	110.000	99.000	11.000	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	27.000	3.000	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		50.000		50.000	45.000	5.000	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	27.000	3.000	
IV	LĨNH VỰC KHÁC		20.000	-	20.000	16.200	3.800	
1	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng		5.000		5.000	4.050	950	
2	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đăk Woa (giai đoạn II)		15.000		15.000	12.150	2.850	

Handwritten signature



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Số: NQ-HĐND

ĐỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đề nghị thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 – 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ NHẤT

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính
phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Bù
Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân
dân huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng năm 2021
của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.
2. Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.
3. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.386.509 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Một ngàn ba trăm tám mươi sáu tỷ, năm trăm lẻ chín triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 84.289 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.140.098 triệu đồng.
- Dự phòng: 162.122 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

- + Vốn phân cấp: 243.536 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất: 883.530 triệu đồng.
- + Vốn các Chương trình MTQG: 259.443 triệu đồng.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 127.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 521.193 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 718.316 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác: 20.000 triệu đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp, bảng chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Nghị quyết này thay cho Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của HĐND huyện Bù Đăng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập website huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH